

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
VỀ VIỆC KÝ HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN VỚI ĐƠN  
VỊ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng

Địa chỉ: 471 Núi Thành, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3622007

Fax: 0236 3642423

Sàn giao dịch: UPCoM

Mã chứng khoán: DNE

Người thực hiện công bố thông tin: Võ Minh Đức – Tổng Giám đốc Công ty,  
người đại diện theo pháp luật.

Loại thông tin công bố:

- 24h       72h       bất thường       theo yêu cầu       định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

Ngày 17 tháng 7 năm 2019, Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng đã ký hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC với phạm vi bao gồm:

- Soát xét báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2019;
- Kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Thông tin được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 17/7/2019 tại đường dẫn: <http://moitruongdothidanang.com.vn/news/index/tin-co-dong-1.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *Nguyk*

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Trang thông tin điện tử Cty;
- Lưu: VT, TCHC.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Võ Minh Đức**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----o0o-----

Số: 245/HĐKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 07 năm 2019

**HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN & SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(V/v: Soát xét báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2019 và  
kiểm toán báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019  
của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng)*

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ - CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng;

Hợp đồng này được lập bởi và giữa các bên:

**BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG**

<b>Người đại diện</b>	<b>: Ông Võ Minh Đức</b>
<b>Chức vụ</b>	<b>: Tổng Giám đốc</b>
<b>Địa chỉ</b>	<b>: 471 Núi Thành, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam</b>
<b>Tel</b>	<b>: (0236) 3644337</b>
<b>Fax</b>	<b>: (0236) 3642423</b>
<b>Mã số thuế</b>	<b>: 04 002 286 40</b>
<b>Tài khoản số</b>	<b>: 2000311010215</b>
<b>Tại Ngân hàng</b>	<b>: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – CN Đà Nẵng</b>

**BÊN B: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**

<b>Người đại diện</b>	<b>: Ông Phan Xuân Vạn</b>
<b>Chức vụ</b>	<b>: Tổng Giám đốc</b>
<b>Địa chỉ</b>	<b>: Lô 78-80 Đường 30/4, P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, VN</b>
<b>Email</b>	<b>: aac@dng.vnn.vn</b>
<b>Tel</b>	<b>: (0236) 3655886</b>





Fax : (0236) 3655887  
Mã số thuế : 04 001 007 07  
Tài khoản số : 0041.00000.1431  
Tại Ngân hàng : TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Đà Nẵng

## **ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

Bên B đồng ý cung cấp cho bên A dịch vụ:

- Soát xét báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2019 của bên A, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Dịch vụ soát xét của bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra kết luận về báo cáo tài chính của bên A.
- Kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của bên A, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Cuộc kiểm toán của bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính của bên A.

## **ĐIỀU 2: NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

*Nghĩa vụ của bên A:*

Cuộc kiểm toán và soát xét của bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và Ban quản trị của bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- (a) Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;
- (b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- (c) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho bên B:
  - (i) Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
  - (ii) Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích soát xét và kiểm toán;
  - (iii) Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng soát xét và kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với bên B trong quá trình soát xét và kiểm toán.

Ban Giám đốc và Ban quản trị của bên A (trong phạm vi phù hợp) có nghĩa vụ cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình soát xét và kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị”, một trong những yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ nghĩa vụ của Ban Giám đốc bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể Báo cáo tài chính.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ soát xét và kiểm toán cho bên B theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.

#### *Nghĩa vụ của bên B:*

##### *Đối với cuộc soát xét:*

Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để bên B báo cáo xem liệu bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến bên B cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hay không.

Công việc soát xét của bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, kế toán, và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ về cơ bản hẹp hơn phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính. Do đó, bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét.

Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của bên B không thể được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhầm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, bên B sẽ thông báo cho bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà bên B phát hiện được.

##### *Đối với cuộc kiểm toán:*

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các Chuẩn mực kiểm toán này quy định bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không.





Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của Báo cáo tài chính.

Bên B có nghĩa vụ thông báo cho bên A về nội dung và kế hoạch soát xét và kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện soát xét và kiểm toán.

Khi phát sinh sai sót trọng yếu dẫn đến việc phải điều chỉnh bằng cách điều chỉnh hồi tố từ năm có sai sót phát sinh, bên B hỗ trợ để bên A điều chỉnh và phát hành lại Báo cáo tài chính ngay thời điểm phát hiện sai sót đúng theo quy định.

Bên B thực hiện công việc soát xét và kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được bên A công bố.

Bên B có nghĩa vụ yêu cầu bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho bên B trong quá trình thực hiện soát xét và kiểm toán. Theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện và Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để bên B đưa ra kết luận và ý kiến của mình về Báo cáo tài chính của bên A.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Để đánh giá các rủi ro, bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của bên A. Tuy nhiên, bên B sẽ thông báo tới bên A bằng văn bản về bất kỳ điểm yếu kém nào trong kiểm soát nội bộ mà bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

### **ĐIỀU 3: BÁO CÁO SOÁT XÉT VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Sau khi hoàn thành cuộc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- Báo cáo kết quả công tác soát xét kèm theo Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019 được phát hành 10 (mười) bộ tiếng Việt:
  - + Bên A: 09 (chín) bộ
  - + Bên B: 01 (một) bộ

Báo cáo soát xét sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

- Báo cáo kiểm toán kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được phát hành 10 (mười) bộ tiếng Việt:  
+ Bên A: 09 (chín) bộ  
+ Bên B: 01 (một) bộ

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

- Ngoài ra, nếu có vấn đề cần lưu ý, bên B sẽ phát hành Thư quản lý, Thư quản lý sẽ đề cập đến những điểm thiếu sót cần khắc phục và ý kiến đề xuất của kiểm toán viên nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống quản lý tài chính kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A. Thư quản lý được phát hành 02 (hai) bộ tiếng Việt:  
+ Bên A: 01 (một) bộ  
+ Bên B: 01 (một) bộ

Trong trường hợp bên A dự định phát hành báo cáo kiểm toán của bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Giám đốc bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của bên B bằng văn bản.



#### **ĐIỀU 4: THỜI GIAN SOÁT XÉT VÀ KIỂM TOÁN**

Thời gian bắt đầu thực hiện hợp đồng do bên A đề nghị nhưng phải thông báo trước cho bên B ít nhất 10 ngày.

Thời gian phát hành báo cáo kiểm toán dự kiến trong vòng 05 ngày kể từ ngày Công ty lập lại Báo cáo tài chính đã điều chỉnh sau kiểm toán.

#### **ĐIỀU 5: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

Bên A đồng ý trả cho bên B số tiền dưới đây để thực hiện công việc ghi ở Điều 1.

Phí soát xét và kiểm toán:	83.181.818 đ
Thuế GTGT (10%):	<u>8.318.182 đ</u>
Cộng:	91.500.000 đ

*(Bằng chữ: Chín mươi một triệu năm trăm ngàn đồng chẵn)*

Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Đà Nẵng.

Thời điểm thanh toán: Bên A tạm ứng 50% giá trị hợp đồng khi bên B bắt đầu cuộc soát xét, số tiền còn lại sẽ được thanh toán đầy đủ khi bên B bàn giao báo cáo kiểm toán cho bên A.



## ĐIỀU 6: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ trên đây. Trường hợp hai bên không tự mình giải quyết được thì thống nhất chọn Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng làm nơi phân xử.

## ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Hợp đồng này gồm 06 trang, được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai bên. Mỗi bên giữ 02 bản.

Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi bên A và bên B đã hoàn thành nghĩa vụ của mỗi bên.

Đại diện bên A

Tổng Giám đốc



Đại diện bên B

Tổng Giám đốc

